

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỔ KIẾN THIẾT
VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt
Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 – 4
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 – 6
<i>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</i>	
3. Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	7 – 8
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023	9 – 10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2023	11 – 12
6. Thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2023	13 – 40

Phụ lục

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Bình Phước (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng các Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán 2023 của Công ty.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Bình Phước hoạt động theo **Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên** do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Phước cấp. Mã số doanh nghiệp **3800100513**; đăng ký lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 24 tháng 10 năm 2023 nhằm bổ sung vốn điều lệ.

Vốn điều lệ : 413.400.000.000 Đồng

Chủ sở hữu : Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Phước

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh : Thương mại – Dịch vụ

Tổ chức hoạt động kinh doanh:

Hệ thống hoạt động kinh doanh của Công ty gồm có:

Trụ sở chính

Địa chỉ : Số 725 Quốc lộ 14, Khu phố Thanh Bình, Phường Tân Bình, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước

Điện thoại : (0271) 387 0296

Fax : (0271) 387 0318

Mã số DN : 3800100513

Khách sạn Bombo – Đơn vị trực thuộc Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Bình Phước

Địa chỉ : Số 685 Quốc lộ 14, Khu phố Thanh Bình, Phường Tân Bình, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước

Mã số DN : 3800100513-001

CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY

Chủ tịch Công ty

Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

Kiểm soát viên

Ông Nguyễn Xuân Hiệp

Theo Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 09/11/2023 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Phước được bổ nhiệm giữ chức vụ Kiểm soát viên (chuyên trách) của Công ty, thời hạn bổ nhiệm là 05 năm kể từ ngày 09/11/2023.

Ban Điều hành

- | | | |
|--------|------------------|--|
| 1. Ông | Nguyễn Đăng Khoa | Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật của Công ty |
| 2. Ông | Trần Văn Sang | Phó Giám đốc |
| 3. Ông | Nguyễn Xuân Cừ | Kế toán trưởng |

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt - Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán 2023 của Công ty.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán 2023 của Công ty TNHH Một thành viên Xổ sổ Kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Bình Phước được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm từ trang 07 đến trang 40.

SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc của Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán 2023 cho đến ngày phát hành Báo cáo tài chính này, cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập các Báo cáo tài chính này và cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- * Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- * Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- * Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- * Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- * Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, các sổ kế toán thích hợp đã được lưu giữ đầy đủ, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán 2023 của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Xổ số Kiến thiết hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác; đồng thời cam kết thực hiện đúng các quy định công bố Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho các cơ quan quản lý Nhà nước.

Thay mặt Ban Giám đốc Công ty ^{Củ}



Giám đốc - Nguyễn Đăng Khoa

Thành phố Đồng Xoài, ngày 26 tháng 01 năm 2024

Số: 0607.01.01/2024/BCTC-NTV.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

KÍNH GỬI: CHỦ SỞ HỮU, CHỦ TỊCH CÔNG TY VÀ BAN GIÁM ĐỐC**CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TH BÌNH PHƯỚC**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán 2023 kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Xổ sổ Kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Bình Phước được lập ngày 26 tháng 01 năm 2024, từ trang 07 đến trang 40, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán 2023 kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Công ty Xổ sổ Kiến thiết hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Bình Phước tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán 2023 kết thúc cùng ngày.

Báo cáo đã được trình bày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Xổ số kiến thiết hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 01 năm 2024

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh



Phó Giám đốc – Huỳnh Hữu Phước

*Chúng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1762-2023-124-1*

Kiểm toán viên – Nguyễn Thị Huyền Trang

*Chúng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 4287-2023-124-1*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

ĐVT: Đồng

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.066.297.520.954	776.424.497.198
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		756.812.669.787	507.765.715.616
111	1. Tiền	V.1	236.721.206.482	255.347.098.193
112	2. Các khoản tương đương tiền	V.2	520.091.463.305	252.418.617.423
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		111.211.896.160	88.479.228.915
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.3	111.211.896.160	88.479.228.915
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		188.031.417.315	157.397.813.553
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.4	187.663.644.164	156.678.576.425
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.5	219.278.356	354.250.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.6	148.244.795	363.827.128
139	4. Tài sản thiếu chờ xử lý		250.000	1.160.000
140	IV. Hàng tồn kho		3.773.421.448	9.601.773.893
141	1. Hàng tồn kho	V.7	3.773.421.448	9.601.773.893
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		6.468.116.244	13.179.965.221
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.8	6.389.671.515	13.066.321.678
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.9	78.444.729	113.643.543
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		99.434.710.254	102.070.021.571
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		22.000.000	22.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	V.10	22.000.000	22.000.000
220	II. Tài sản cố định		83.867.962.131	86.461.535.124
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.11	69.392.462.131	71.986.035.124
222	- Nguyên giá		108.958.797.615	108.645.650.013
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(39.566.335.484)	(36.659.614.889)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.12	14.475.500.000	14.475.500.000
228	- Nguyên giá		15.630.750.000	15.630.750.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.155.250.000)	(1.155.250.000)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	2.658.513.444
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	2.658.513.444
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		12.500.000.000	12.500.000.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	V.13	12.500.000.000	12.500.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		3.044.748.123	427.973.003
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.14	3.044.748.123	427.973.003
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.165.732.231.208	878.494.518.769

Báo cáo tài chính này được đọc kèm với thuyết minh báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Bảng Cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		660.232.231.208	465.094.518.769
310	I. Nợ ngắn hạn		551.232.231.208	356.094.518.769
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.15	2.735.774.344	10.062.227.254
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.16	32.084.240	40.359.378
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.17	489.555.098.703	311.219.733.270
314	4. Phải trả người lao động	V.18	7.694.111.603	7.324.556.610
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.19	19.334.600.000	-
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.20	731.849.455	972.131.034
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		-	-
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.21	31.148.712.863	26.475.511.223
330	II. Nợ dài hạn		109.000.000.000	109.000.000.000
354	1. Dự phòng rủi ro trả thưởng	V.22	109.000.000.000	109.000.000.000
400	D VỐN CHỦ SỞ HỮU		505.500.000.000	413.400.000.000
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.23	505.500.000.000	413.400.000.000
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	V.23.1	413.400.000.000	316.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển	V.23.2	92.100.000.000	97.400.000.000
420	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	V.23.3	-	-
420b	- LNST chưa phân phối kỳ này		-	-
430	II. Nguồn kinh phí		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.165.732.231.208	878.494.518.769

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	1. Nợ khó đòi đã xử lý		1.752.216.046	1.752.216.046
	2. Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp		331.574.106.720	238.283.323.414
	3. Doanh số phát hành xổ số kiến thiết		120.000.000.000	109.384.000.000

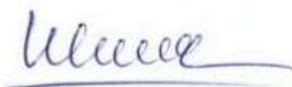
Thành phố Đồng Xoài, ngày 26 tháng 01 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc









Nguyễn Thị Hiền

Nguyễn Xuân Cử

Nguyễn Đăng Khoa

Báo cáo tài chính này được đọc kèm với thuyết minh báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2023

ĐVT: Đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu	VI.24	4.182.290.196.521	3.458.183.839.267
01.1	1.1 Doanh thu kinh doanh xổ số		4.166.709.981.817	3.442.561.900.002
01.1.1	1.1.1 <i>Xổ số truyền thống</i>		4.147.558.781.817	3.420.676.627.274
01.1.2	1.1.2 <i>Xổ số tự chọn</i>		19.151.200.000	21.885.272.728
01.2	1.2 Doanh thu khác		1.020.473.472	1.151.372.733
01.3	1.3 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		14.559.741.232	14.470.566.532
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.24	543.490.274.310	449.029.813.041
02.1	2.1 Giảm trừ doanh thu kinh doanh xổ số		543.483.910.674	449.029.813.041
02.1.1	2.1.1 <i>Xổ số truyền thống</i>		540.985.928.065	446.175.212.251
02.1.2	2.1.2 <i>Xổ số tự chọn</i>		2.497.982.609	2.854.600.790
02.2	2.2 Giảm trừ doanh thu khác		-	-
02.3	2.3 Giảm trừ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		6.363.636	-
10	3. Doanh thu thuần	VI.24	3.638.799.922.211	3.009.154.026.226
10.1	3.1 Doanh thu thuần kinh doanh xổ số		3.623.226.071.143	2.993.532.086.961
10.1.1	3.1.1 <i>Xổ số truyền thống</i>		3.606.572.853.752	2.974.501.415.023
10.1.2	3.1.2 <i>Xổ số tự chọn</i>		16.653.217.391	19.030.671.938
10.2	3.2 Doanh thu thuần kinh doanh khác		1.020.473.472	1.151.372.733
10.3	3.3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		14.553.377.596	14.470.566.532
11	4. Chi phí kinh doanh	VI.25	3.005.283.285.825	2.461.681.506.674
11.1	4.1 Chi phí kinh doanh xổ số		2.993.789.651.500	2.451.631.674.860
11.1.1	4.1.1 <i>Chi phí trả thưởng</i>		2.248.562.570.000	1.787.287.089.000
11.1.2	4.1.2 <i>Chi phí trực tiếp phát hành xổ số</i>		745.227.081.500	664.344.585.860
11.2	4.2 Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp		11.493.634.325	10.049.831.814
20	5. Lợi nhuận gộp		633.516.636.386	547.472.519.552
20.1	5.1 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh xổ số		629.436.419.643	541.900.412.101
20.2	5.2 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh khác		1.020.473.472	1.151.372.733
20.3	5.3 Lợi nhuận từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ		3.059.743.271	4.420.734.718
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.26	22.442.474.808	12.006.753.481

ĐVT: Đồng

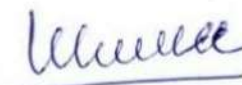
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
22	7. Chi phí tài chính	VL27	-	2.234.958.905
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	2.234.958.905
24	8. Chi phí bán hàng		-	4.000.000
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VL28	133.656.756.523	143.918.012.168
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		522.302.354.671	413.322.301.960
31	10. Thu nhập khác	VL29	318.058.754	247.137.842
32	11. Chi phí khác	VL30	268.556.382	2.601.760.896
40	12. Lợi nhuận khác		49.502.372	(2.354.623.054)
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		522.351.857.043	410.967.678.906
51	14. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VL31	106.972.837.012	86.239.317.919
60	15. Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp		415.379.020.031	324.728.360.987

Thành phố Đồng Xoài, ngày 26 tháng 01 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Hiền

Nguyễn Xuân Cử

Nguyễn Đăng Khoa

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2023

ĐVT: Đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		3.897.185.081.165	3.194.933.142.158
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(124.163.138.829)	(130.229.222.183)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(40.581.598.780)	(38.779.779.383)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		-	(2.357.917.809)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.17	(32.921.732.073)	(119.044.362.129)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		161.023.442.339	138.091.374.766
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.398.662.559.476)	(2.686.115.902.092)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		461.879.494.346	356.497.333.328
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.756.361.509)	(2.658.513.444)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	VI.29	71.818.182	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	V.2	(20.009.439.700)	(670.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	V.2	1.499.439.775	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		18.304.767.619	8.262.288.276
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.889.775.633)	4.933.774.832

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2023

ĐVT: Đồng

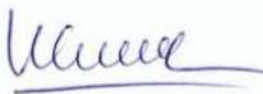
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
33	1. Tiền thu từ đi vay		-	40.000.000.000
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		-	(70.000.000.000)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	V.17	(210.942.764.542)	(102.000.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(210.942.764.542)	(132.000.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		249.046.954.171	229.431.108.160
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	V.1	507.765.715.616	278.334.607.456
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	V.1	756.812.669.787	507.765.715.616

Thành phố Đồng Xoài, ngày 26 tháng 01 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Hiền

Nguyễn Xuân Cừ

Nguyễn Đăng Khoa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và không thể tách rời các Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán 2023 của Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Bình Phước (sau đây gọi tắt là “Công ty”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Hình thức sở hữu vốn : Công ty TNHH Một thành viên thuộc sở hữu Nhà nước

Lĩnh vực kinh doanh : Thương mại – Dịch vụ

Ngành nghề kinh doanh :

Công ty đang thực hiện các hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Xổ số Kiến thiết và các dịch vụ vui chơi có thưởng;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc Công ty

Hệ thống hoạt động kinh doanh của Công ty gồm có:

- ❖ **Khách sạn Bombo** – Đơn vị trực thuộc Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Bình Phước thành lập ngày 27 tháng 6 năm 2013:

Địa chỉ : Quốc lộ 14, Khu phố Thanh Bình, Phường Tân Bình, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước

Mã số : 3800100513-001

- ❖ **Trạm giao dịch tại Thành phố Hồ Chí Minh** địa chỉ số: 1/118-120 Cư xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại:

- ❖ Thông tư số 168/2009/TT-BTC ngày 19 tháng 8 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty Xổ số Kiến thiết.
- ❖ Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính đã được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Xổ số Kiến thiết hiện hành và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan.

Hình thức sổ kế toán

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi trên hóa đơn, chứng từ gốc trừ dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản nợ phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải thu.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp Nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp Kế khai thường xuyên.

5. Tài sản cố định

Được coi là Tài sản cố định nếu thỏa mãn đồng thời cả ba tiêu chuẩn dưới đây:

- a. Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;
- b. Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên;
- c. Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 Đồng (ba mươi triệu đồng) trở lên.

5.1 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013; Thông tư số

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2023

147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 12/4/2018 của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các nhóm TSCĐ hữu hình như sau:

Nhóm Tài sản cố định	Số năm
- Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 50
- Máy móc, thiết bị	05 - 20
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 08
- Tài sản cố định khác	15 - 25

5.2 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là tài sản không có hình thái vật chất nhưng xác định được giá trị, Công ty có khả năng kiểm soát nguồn lực và tính chắc chắn của lợi ích kinh tế trong tương lai, thông thường có nguồn gốc từ quyền pháp lý.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng.

TSCĐ vô hình của Công ty được thể hiện theo Nguyên giá trừ Hao mòn lũy kế và bao gồm:

❖ Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất (QSDĐ) được xác định gồm có: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp, chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí xây dựng các công trình trên đất);

Chi trích khấu hao đối với QSDĐ xác định được thời hạn sử dụng; QSDĐ không xác định được thời gian sử dụng thì không trích khấu hao.

❖ Phần mềm máy vi tính

Nguyên giá phần mềm máy vi tính được xác định là toàn bộ các chi phí thực tế mà Công ty đã bỏ ra để có các chương trình phần mềm trong trường hợp chương trình phần mềm là một bộ phận có thể tách rời với phần cứng có liên quan, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích là 08 năm.

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2023

6. Các khoản đầu tư tài chính

❖ *Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong niên độ kế toán và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

❖ *Khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán.

Chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Chi phí trả trước tại công ty bao gồm các chi phí sửa chữa và các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

8. Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại theo tính chất kinh tế và phản ánh theo giá gốc bao gồm:

- Phải trả người bán / người mua trả tiền trước: là các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hoá, dịch vụ;
- Các khoản phải trả khác: là các khoản phải trả không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hoá dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Trên Bảng Cân đối kế toán, các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải trả.

9. Chi phí phải trả

Là các khoản phải trả đã được dự tính và trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả (bao gồm hàng hoá dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng chưa đủ hồ sơ tài liệu để chi trả ...).

10. Dự phòng rủi ro trả thưởng

Việc trích lập dự phòng rủi ro trả thưởng chỉ áp dụng đối với các loại hình sản phẩm xổ số được phép kinh doanh áp dụng phương thức trả thưởng cố định theo quy định của pháp luật và tại thời điểm trích lập, Công ty không bị lỗ.

Điều kiện trích lập: Trong kỳ trích lập, doanh nghiệp kinh doanh xổ số có tỷ lệ trả thưởng thực tế nhỏ hơn tỷ lệ trả thưởng kế hoạch theo quy định của pháp luật về kinh doanh xổ số.

Công ty tiến hành trích lập dự phòng rủi ro trả thưởng tại thời điểm kết thúc năm tài chính. Mức trích lập của Công ty đảm bảo tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng tối đa không vượt quá 3% tổng doanh thu có thuế của tất cả các loại hình xổ số được phép trích lập tại thời điểm trích lập.

Doanh nghiệp kinh doanh xổ số sử dụng quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng để trả thưởng khi tỷ lệ trả thưởng thực tế trong năm lớn hơn tỷ lệ trả thưởng kế hoạch. Trường hợp quỹ dự phòng trả thưởng không còn đủ để chi thì phần trả thưởng thực tế còn lại được tính vào chi phí kinh doanh. Số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng sử dụng không hết được chuyển sang năm sau. Trường hợp số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng đã trích lập trong kỳ vượt giới hạn quy định thì được hoàn nhập vào thu nhập khác.

(Dự phòng rủi ro trả thưởng thực hiện theo Nghị định 122/2017/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số, xổ giao dịch chứng khoán và trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam).

11. Vốn chủ sở hữu

❖ **Vốn góp của chủ sở hữu**

Là vốn thuộc quyền sở hữu của Nhà nước.

❖ **Lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước

❖ **Trích lập các quỹ**

Lợi nhuận của doanh nghiệp kinh doanh xổ số sau khi bù đắp lỗ năm trước, trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, được phân phối như sau:

- Trích tối đa 30% vào Quỹ Đầu tư phát triển;
- Trích Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi cho người lao động và Quỹ thưởng Viên chức quản lý doanh nghiệp;
- Phần lợi nhuận còn lại được nộp về ngân sách nhà nước.

Việc trích lập và sử dụng các quỹ nêu trên phải được sự chấp thuận của chủ sở hữu và thực hiện công khai theo quy chế công khai tài chính, quy chế dân chủ ở cơ sở và quy định của Nhà nước.

(Thực hiện theo Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018; Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ về đầu tư vốn của Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp).

12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm: Doanh thu từ hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số, doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác ngoài hoạt động kinh doanh xổ số được pháp luật cho phép và doanh thu từ hoạt động thương mại, dịch vụ, tài chính khác;

Việc ghi nhận doanh thu của doanh nghiệp kinh doanh xổ số được thực hiện phù hợp với chuẩn mực kế toán và các văn bản pháp luật về thuế hiện hành.

❖ **Doanh thu từ hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số**

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số được ghi nhận là toàn bộ số tiền bán vé phải thu phát sinh trong kỳ.

Do đặc thù của hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số, doanh thu từ hoạt động này được quản lý theo hai tiêu chí: “Doanh thu có thuế” và “Doanh thu chưa có thuế”

- **“Doanh thu có thuế”** là doanh thu đã bao gồm thuế Giá trị gia tăng và thuế Tiêu thụ đặc biệt. Doanh thu theo tiêu chí này nhằm để xác định các khoản chi hoa hồng đại lý, trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng, chi hỗ trợ phòng chống số đề, làm vé số giá.
- **“Doanh thu chưa có thuế”** là doanh thu từ hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số không bao gồm thuế Giá trị gia tăng và thuế Tiêu thụ đặc biệt. Doanh thu theo tiêu chí này nhằm để xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh xổ số.

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2023

❖ **Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác ngoài hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số**

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác ngoài hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số được pháp luật cho phép là toàn bộ số tiền phải thu phát sinh trong kỳ từ việc bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp kinh doanh xổ số đã được xác định là tiêu thụ trong kỳ.

❖ **Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 5 điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa sang người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hoặc kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn dựa trên Biên bản xác nhận khối lượng thành phẩm được giao của bên mua hàng;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

❖ **Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- Kết quả của giao dịch được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

❖ **Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu được ghi nhận khi hoạt động kinh tế phát sinh, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

13. Các khoản chi phí

Doanh nghiệp kinh doanh xổ số chỉ được hạch toán vào chi phí các khoản phát sinh liên quan đến hoạt động kinh doanh trong năm tài chính theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu, riêng chi phí trả thưởng được xác định theo thực tế phát sinh. Việc xác định chi phí của doanh nghiệp kinh doanh xổ số được thực hiện phù hợp với chuẩn mực kế toán và các văn bản pháp luật về thuế hiện hành.

Ngoài các khoản chi phí được xác định là khoản chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh theo chế độ quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, doanh nghiệp kinh doanh xổ số được tính vào chi phí được trừ khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp đối với một số khoản chi phí đặc thù theo hướng dẫn tại Thông tư 138/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số khoản chi phí đặc thù đối với Doanh nghiệp kinh doanh xổ số.

14. Chi phí Thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế.

Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

15. Báo cáo theo bộ phận

Công ty chủ yếu kinh doanh trong lĩnh vực xổ số (lĩnh vực kinh doanh khác chiếm tỷ trọng nhỏ không đáng kể), đồng thời toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện tại Việt Nam, không có sự khác biệt lớn về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các khu vực địa lý nên Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực đại lý.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong niên độ kế toán được trình bày tại **Khoản 3, Mục VII – Thông tin khác** của Thuyết minh Báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

		ĐVT: Đồng	
		Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tiền			
- Tiền mặt tại quỹ	40.612.794.650	40.534.306.923	
- Tiền gửi ngân hàng	196.108.411.832	214.812.791.270	
Cộng	236.721.206.482	255.347.098.193	
2. Các khoản tương đương tiền			
Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng tại các Ngân hàng thương mại, trả lãi khi đáo hạn, chi tiết như sau:			
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bình Phước	5.000.000.000	5.000.000.000	
- Ngân hàng TMCP Nam Á - CN Bình Phước	143.357.084.867	50.447.192.774	
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - CN Bình Phước	90.900.000.000	74.900.000.000	
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hàm Nghi	20.000.000.000	20.000.000.000	
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Bình Phước	131.258.605.828	71.586.496.617	
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đồng Khởi	10.735.093.080	30.484.928.032	
- Ngân hàng TMCP Bản Việt - CN Bình Phước	50.722.125.882	-	
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bình Phước	27.506.694.395	-	
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bình Phước	40.611.859.253	-	
Cộng	520.091.463.305	252.418.617.423	

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2023

3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
3.1 Đầu tư Trái phiếu	-	490.000.000
3.2 Các khoản tiền gửi có kỳ hạn	111.211.896.160	87.989.228.915
Cộng	111.211.896.160	88.479.228.915

3.1 Đầu tư Trái phiếu

Khoản đầu tư vào 49 trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam có mệnh giá: 10.000.000 Đồng/ trái phiếu; ngày phát hành trái phiếu 19/12/2018; đã tất toán trong năm.

3.2 Các khoản tiền gửi có kỳ hạn

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 đến 12 tháng tại các Ngân hàng thương mại, trả lãi khi đáo hạn, chi tiết như sau:

- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - CN Bình Phước	37.946.012.451	18.360.632.724
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bình Phước	70.763.133.357	67.244.977.113
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Bình Phước	2.502.750.352	2.383.619.078
Cộng	111.211.896.160	87.989.228.915

CÔNG TY TNHH MTV XÓ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2023

4. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền vé số còn phải thu của các đại lý	184.299.212.291	153.874.452.182
+ Mai Hữu Ảnh	14.478.092.286	11.593.648.264
+ Hà Thị Thùy Trang	7.519.387.902	5.631.676.776
+ Nguyễn Đức Dầy	5.270.295.480	3.519.145.916
+ Trần Văn Sang	5.723.028.010	5.228.915.310
+ Nguyễn Phú Thương	5.026.177.216	4.212.051.241
+ Nguyễn Khắc Duy	5.255.770.454	3.958.649.999
+ Nguyễn Văn Triệu	4.194.028.030	4.125.328.850
+ Nguyễn Thị Thiên	6.593.618.475	2.868.683.797
+ Trần Diễm Trang	6.378.303.273	3.735.909.663
+ Trần Vũ Anh Đào	6.245.329.375	2.695.977.480
+ Bùi Thị Xuân Kiều	3.526.284.325	2.901.020.475
+ Lương Quang Thạch	3.823.600.305	2.882.581.755
+ Phan Văn Thái	2.649.899.000	3.181.932.974
+ Huỳnh Trần Nguyên Vũ	3.518.235.000	3.499.080.644
+ Hứa Kim Hùng	3.185.659.560	2.888.892.845
+ Trần Thị Trang	3.103.529.435	2.717.188.830
+ Nguyễn Tấn Khoa	3.635.561.555	3.282.746.060
+ Nguyễn Kế Thanh	4.083.877.775	3.345.261.325
+ Các đối tượng khác	90.088.534.835	81.605.759.978
- Thuế TNDN nộp thay đại lý còn phải thu	2.502.342.108	2.042.573.208
- Phải thu khách hàng Khách sạn Bom Bo	862.089.765	761.551.035
Cộng	187.663.644.164	156.678.576.425

CÔNG TY TNHH MTV XÓ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2023

5. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá ASA DRAGON	51.300.000	51.300.000
- Công ty TNHH May thuê giày An Phước	77.200.000	-
- Trái cây Đồng Xoài	-	237.300.000
- Các đối tượng khác	90.778.356	65.650.000
Cộng	219.278.356	354.250.000

6. Phải thu ngắn hạn khác

- Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dự thu	109.174.150	194.134.281
- Tạm ứng cho nhân viên	20.000.000	115.000.000
- Các đối tượng khác	19.070.645	54.692.847
Cộng	148.244.795	363.827.128

7. Hàng tồn kho

- Nguyên vật liệu	206.790.735	210.319.801
- Công cụ, dụng cụ	184.600.000	3.878.886.500
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.218.900.000	5.489.790.000
- Hàng hoá	63.130.713	22.777.592
- Hàng gửi bán	1.100.000.000	-
Cộng	3.773.421.448	9.601.773.893

CÔNG TY TNHH MTV XÓ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2023

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Phân bổ trong năm	Số cuối năm
- Phí bảo hiểm	2.739.685.198	4.317.671.767	4.280.332.255	2.777.024.710
- Quảng cáo	9.065.313.500	10.298.036.584	16.608.971.789	2.754.378.295
- Chi phí sửa chữa	187.475.931	116.282.000	235.124.764	68.633.167
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	396.835.827	931.750.088	950.515.112	378.070.803
- Chi phí khác	677.011.222	823.129.091	1.088.575.773	411.564.540
Cộng	13.066.321.678	16.486.869.530	23.163.519.693	6.389.671.515

	Số cuối năm	Số đầu năm
9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	78.444.729	113.643.543

Thuế nhà đất, tiền thuê đất nộp thừa.

10. Phải thu dài hạn khác	22.000.000	22.000.000
----------------------------------	-------------------	-------------------

Khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2023

11. Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhóm TSCĐ	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá							
- Số đầu năm		74.854.426.907	16.712.845.197	3.937.171.245	2.771.785.506	10.369.421.158	108.645.650.013
- Tăng trong năm		1.042.587.784	-	-	147.905.454	-	1.190.493.238
- Thanh lý trong năm		(23.616.800)	(202.400.000)	(442.101.836)	(209.227.000)	-	(877.345.636)
- Số cuối năm		75.873.397.891	16.510.445.197	3.495.069.409	2.710.463.960	10.369.421.158	108.958.797.615
Giá trị hao mòn							
- Số đầu năm		15.877.521.895	9.776.952.991	3.611.412.519	2.461.499.766	4.932.227.718	36.659.614.889
- Khấu hao trong năm		1.616.886.720	1.335.236.364	135.135.281	81.318.570	596.123.520	3.764.700.455
- Thanh lý trong năm		(4.251.024)	(202.400.000)	(442.101.836)	(209.227.000)	-	(857.979.860)
- Số cuối năm		17.490.157.591	10.909.789.355	3.304.445.964	2.333.591.336	5.528.351.238	39.566.335.484
Giá trị còn lại							
- Tại ngày đầu năm		58.976.905.012	6.935.892.206	325.758.726	310.285.740	5.437.193.440	71.986.035.124
- Tại ngày cuối năm		58.383.240.300	5.600.655.842	190.623.445	376.872.624	4.841.069.920	69.392.462.131

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

12. Tài sản cố định vô hình

Nhóm TSCĐ	Chi tiêu	Quyền sử dụng đất [a]	Phần mềm máy vi tính [b]	Tổng cộng
Nguyên giá				
- Số đầu năm		14.475.500.000	1.155.250.000	15.630.750.000
- Số cuối năm		14.475.500.000	1.155.250.000	15.630.750.000
Giá trị hao mòn				
- Số đầu năm		-	1.155.250.000	1.155.250.000
- Số cuối năm		-	1.155.250.000	1.155.250.000
Giá trị còn lại				
- Tại ngày đầu năm		14.475.500.000	-	14.475.500.000
- Tại ngày cuối năm		14.475.500.000	-	14.475.500.000

[a] Giá trị Quyền sử dụng đất lâu dài tại số: 1/118-120 Cư xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, TP.HCM (Trạm giao dịch tại Thành phố Hồ Chí Minh).

[b] Phần mềm máy tính là phần mềm kế toán và phần mềm quản lý vé số tự chọn.

	Số cuối năm	Số đầu năm
13. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	12.500.000.000	12.500.000.00

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng cơ sở hạ tầng Bình Phước, số lượng cổ phiếu nắm giữ: 12.500 cổ phiếu, mệnh giá cổ phiếu: 1.000.000 Đồng/cổ phiếu, chiếm tỷ lệ sở hữu 8,33% vốn Điều lệ của Công ty được đầu tư.

Năm 2023

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Phân bổ trong năm	Số cuối năm
- Chi phí sửa chữa	121.149.999	4.384.773.296	1.628.798.954	2.877.124.341
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	306.823.004	83.045.455	222.244.677	167.623.782
Cộng	427.973.003	4.467.818.751	1.851.043.631	3.044.748.123

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Xí nghiệp in Tài chính	1.188.000.000	1.278.320.400
- Công ty CP Đầu tư Quảng cáo Song Hành	101.263.000	8.049.996.000
- Công ty TNHH MTV Nhâm Hữu	422.925.336	263.859.954
- Công ty TNHH MTV TM DV TV ĐT Thiên Phát	293.198.400	-
- Công ty TNHH MTV TM TV ĐT XD Minh Đức	248.700.000	-
- Công ty TNHH XD Cầu đường Cẩm Xuyên	-	242.371.600
- Các đối tượng khác	481.687.608	227.679.300
Cộng	2.735.774.344	10.062.227.254

32.084.240	40.359.378
------------	------------

29

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)
Năm 2023

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Phải nộp trong năm	Thực nộp trong năm	Số cuối năm
- Thuế Giá trị gia tăng	36.802.663.102	412.325.806.120	412.237.986.382	36.890.482.840
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt	49.691.324.898	543.483.910.674	543.897.517.002	49.277.718.570
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	14.728.231.483	106.972.837.012	32.921.732.073	88.779.336.422
- Thuế Thu nhập cá nhân	7.555.849.245	155.529.357.328	151.886.739.426	11.198.467.147
<i>Trong đó:</i>				
+ Thuế TNCN từ trúng thưởng	8.394.840.000	117.856.380.000	117.304.150.000	8.947.070.000
+ Thuế TNCN Đại lý xổ số	410.464.974	34.556.038.941	31.928.244.588	3.038.259.327
+ Thuế TNCN từ tiền lương, tiền công	(1.249.455.729)	3.116.938.387	2.654.344.838	(786.862.180)
- Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	(113.643.543)	1.602.908.488	1.567.709.674	(78.444.729)
- Lệ phí môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
- Lợi nhuận sau thuế nộp ngân sách	202.441.664.542	311.910.193.724	210.942.764.542	303.409.093.724
Cộng	311.106.089.727	1.531.829.013.346	1.353.458.449.099	489.476.653.974
<i>Trong đó:</i>				
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	311.219.733.270			489.555.098.703
- Thuế nộp thừa (Thuyết minh số V.9)	(113.643.543)			(78.444.729)

Thuế Giá trị gia tăng

Phương pháp tính thuế : Theo phương pháp khấu trừ

Thuế suất áp dụng : 8% và 10%

Thuế Tiêu thụ đặc biệt

Thuế suất thuế Tiêu thụ đặc biệt: 15% trên giá vé phát hành (sau khi loại trừ thuế GTGT).

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế Thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên thu nhập tính thuế.

Tiền thuê đất

Công ty có nghĩa vụ trả tiền thuê đất hàng năm theo các hợp đồng thuê đất sau:

- ❖ Hợp đồng thuê đất số 04/HĐ/TĐ ngày 25/01/2000; Phụ lục Hợp đồng thuê đất số 233/PL.HĐTĐ/DC1/2000 ngày 03/11/2017 với Ủy Ban Nhân dân Tỉnh Bình do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước làm đại diện để thuê đất làm trụ sở Công ty tại số 725, quốc lộ 14, phường Tân Bình, Thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.
- ❖ Hợp đồng thuê đất số 108/HĐ/TĐ ngày 01/11/2010 với Ủy Ban nhân dân tỉnh Bình Phước do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước làm đại diện để thuê đất làm Khách sạn Bom Bo tại Phường Tân Bình, Thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Lợi nhuận sau thuế nộp ngân sách

Là khoản phải nộp vào ngân sách, sau khi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp và trích lập các Quỹ theo quy định.

Các khoản thuế khác

Thuế Thu nhập cá nhân nộp thay đại lý: 5% trên khoản tiền hoa hồng và phí ủy quyền trả thưởng chi cho đại lý.

Các loại thuế khác

Công ty thực hiện kê khai và trích nộp theo quy định hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo những cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính sẽ được xác định một cách chắc chắn theo quyết định cuối cùng của cơ quan Thuế.

	Số cuối năm	Số đầu năm
18. Phải trả người lao động	7.694.111.603	7.324.556.610

Các khoản thu nhập còn phải trả cho người lao động trong Công ty.

Quỹ lương của Công ty được xác định theo hướng dẫn tại Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 và Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động và người quản lý trong công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Công ty đang thực hiện các thủ tục trình cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt Quỹ tiền lương thực hiện năm 2023 theo quy định của pháp luật.

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)
Năm 2023

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí trả thưởng	19.000.000.000	
- Các chi phí hoạt động của năm 2023	334.600.000	
Cộng	19.334.600.000	-

20. Phải trả ngắn hạn khác

- Phải trả chi phí ủy quyền trả thưởng	297.490.204	295.669.908
- Phải chi trả thưởng	286.767.275	188.269.150
- Kinh phí công đoàn	97.591.976	97.591.976
- Nhận ký quỹ, ký cược	50.000.000	390.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	600.000
Cộng	731.849.455	972.131.034

21. Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi

	Số đầu năm	Bổ sung từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi trong năm	Số cuối năm
- Quỹ Khen thưởng	11.998.095.472	3.322.357.466	-	1.103.645.000	14.216.807.938
- Quỹ Phúc lợi	14.084.822.647	7.752.167.421	5.000.000	5.330.300.667	16.511.689.401
- Quỹ thưởng Người quản lý DN, KSV	392.593.104	294.301.420	-	266.679.000	420.215.524
Cộng	26.475.511.223	11.368.826.307	5.000.000	6.700.624.667	31.148.712.863

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)
Năm 2023

22. Dự phòng rủi ro trả thưởng

Quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng được trích lập theo Nghị định 122/2017/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số, sở giao dịch chứng khoán và trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam. Tình hình biến động trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	109.000.000.000	59.700.000.000
- Trích trong năm	-	49.300.000.000
- Số cuối năm	109.000.000.000	109.000.000.000

23. Vốn chủ sở hữu

STT	Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
	Năm trước				
23.1	Vốn góp của chủ sở hữu	244.500.000.000	71.500.000.000	-	316.000.000.000
23.2	Quỹ đầu tư phát triển	71.500.000.000	97.400.000.000	71.500.000.000	97.400.000.000
23.3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	324.728.360.987	324.728.360.987	-
	Cộng	316.000.000.000	493.628.360.987	396.228.360.987	413.400.000.000
	Năm nay				
23.1	Vốn góp của chủ sở hữu	316.000.000.000	97.400.000.000	-	413.400.000.000
23.2	Quỹ đầu tư phát triển	97.400.000.000	92.100.000.000	97.400.000.000	92.100.000.000
23.3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	415.379.020.031	415.379.020.031	-
	Cộng	413.400.000.000	604.879.020.031	512.779.020.031	505.500.000.000

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)
Năm 2023

23.1 Vốn góp của chủ sở hữu

Trong năm, Công ty đã bổ sung vốn góp của Chủ sở hữu 97.400.000.000 Đồng từ Quỹ đầu tư phát triển theo Quyết định số 135/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt Phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ Công ty TNHH MTV Xổ sổ kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Bình Phước và Quyết định số 1520/QĐ-UBND ngày 22/9/2023 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Phước phê duyệt mức vốn điều lệ năm 2023 của Công ty TNHH MTV Xổ sổ kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Bình Phước.

Công ty đã điều chỉnh vốn điều lệ đăng ký tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 24/10/2023.

23.2 Quỹ đầu tư phát triển

	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	97.400.000.000	71.500.000.000
- Bổ sung từ lợi nhuận sau thuế	92.100.000.000	97.400.000.000
- Chuyển bổ sung vốn góp của chủ sở hữu	(97.400.000.000)	(71.500.000.000)
- Số cuối năm	92.100.000.000	97.400.000.000

23.3 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

- Lợi nhuận sau thuế năm nay	415.379.020.031	324.728.360.987
- Phân phối lợi nhuận năm nay (*)	(415.379.020.031)	(324.728.360.987)
+ Trích Quỹ Đầu tư phát triển	(92.100.000.000)	(97.400.000.000)
+ Trích Quỹ thưởng Người quản lý DN, KSV	(294.301.420)	(296.310.000)
+ Trích Quỹ Khen thưởng	(3.322.357.466)	(3.243.165.263)
+ Trích Quỹ Phúc lợi	(7.752.167.421)	(7.567.385.614)
+ Lợi nhuận nộp Ngân sách Nhà nước	(311.910.193.724)	(216.221.500.110)
- Lợi nhuận năm nay chuyển năm sau	-	-

(*) Công ty tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2023, số liệu này sẽ được điều chỉnh khi có phê duyệt chính thức của cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền.

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)
Năm 2023

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2023

	ĐVT: Đồng	
	Năm nay	Năm trước
24. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Tổng doanh thu	4.182.290.196.521	3.458.183.839.267
+ Doanh thu kinh doanh xổ số	4.166.709.981.817	3.442.561.900.002
* <i>Xổ số truyền thống</i>	<i>4.147.558.781.817</i>	<i>3.420.676.627.274</i>
* <i>Xổ số tự chọn</i>	<i>19.151.200.000</i>	<i>21.885.272.728</i>
+ Doanh thu bán phế liệu	1.020.473.472	1.151.372.733
+ Doanh thu kinh doanh khách sạn Bom Bo	14.559.741.232	14.470.566.532
- Các khoản giảm trừ doanh thu	543.490.274.310	449.029.813.041
+ Thuế tiêu thụ đặc biệt	543.483.910.674	449.029.813.041
* <i>Xổ số truyền thống</i>	<i>540.985.928.065</i>	<i>446.175.212.251</i>
* <i>Xổ số tự chọn</i>	<i>2.497.982.609</i>	<i>2.854.600.790</i>
+ Chiết khấu thương mại khách sạn Bom Bo	6.363.636	-
- Doanh thu thuần	3.638.799.922.211	3.009.154.026.226
Trong đó:		
+ Doanh thu kinh doanh xổ số	3.623.226.071.143	2.993.532.086.961
+ Doanh thu bán phế liệu	1.020.473.472	1.151.372.733
+ Doanh thu kinh doanh khách sạn Bom Bo	14.553.377.596	14.470.566.532

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)
Năm 2023

25. Chi phí kinh doanh

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí kinh doanh xổ số	2.993.789.651.500	2.451.631.674.860
+ Chi phí trả thưởng	2.248.562.570.000	1.787.287.089.000
* Chi phí trả thưởng xổ số truyền thống	2.234.514.300.000	1.770.920.000.000
* Chi phí trả thưởng xổ số tự chọn	14.048.270.000	16.367.089.000
+ Chi phí trực tiếp phát hành	745.227.081.500	664.344.585.860
* Chi phí cho các đại lý	691.120.778.740	571.067.340.878
* Chi phí phát hành vé	50.872.480.000	40.678.000.000
* Chi phí quay số mở thưởng, giám sát	2.241.572.760	2.205.494.982
* Chi phí chống số đề	20.250.000	201.750.000
* Chi phí dự phòng rủi ro trả thưởng	-	49.300.000.000
* Chi phí thông tin kết quả mở thưởng	912.000.000	832.000.000
* Chi phí đóng góp cho Hội đồng XSKT khu vực	60.000.000	60.000.000
- Giá vốn hàng hoá, dịch vụ đã bán	11.493.634.325	10.049.831.814
+ Giá vốn kinh doanh khách sạn Bom Bo	11.493.634.325	10.049.831.814
Tổng cộng	3.005.283.285.825	2.461.681.506.674

26. Doanh thu hoạt động tài chính

- Lãi tiền gửi ngân hàng	17.903.114.808	9.725.656.481
- Lãi đầu tư trái phiếu	41.160.000	31.997.000
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.498.200.000	2.249.100.000
Cộng	22.442.474.808	12.006.753.481

27. Chi phí tài chính

- 2.234.958.905

Chi phí lãi vay ngân hàng.

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)
Năm 2023

28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý	58.090.675.939	74.577.381.990
- Chi phí vật liệu quản lý	1.158.976.255	1.365.496.768
- Chi phí đồ dùng văn phòng	1.624.968.429	1.299.494.541
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.891.973.399	2.151.581.949
- Thuế, phí và lệ phí	1.687.530.768	1.612.031.647
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.148.170.682	5.474.750.006
- Chi phí bằng tiền khác	63.054.461.051	57.437.275.267
Cộng	133.656.756.523	143.918.012.168

29. Thu nhập khác

- Thu từ thanh lý TSCĐ	71.818.182	-
- Thu thù lao thu hộ vé	190.545.456	196.000.002
- Thu phí dịch vụ SMS	20.181.818	25.363.635
- Thu nhập khác	35.513.298	25.774.205
Cộng	318.058.754	247.137.842

30. Chi phí khác

- Thanh lý tài sản	28.440.776	2.352.960.893
- Chi thù lao thu hộ vé	190.545.457	196.000.003
- Chi phí bán giấy phê liệu	44.400.000	48.100.000
- Chi phí khác	5.170.149	4.700.000
Cộng	268.556.382	2.601.760.896

31. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	522.351.857.043	410.967.678.906
- Cộng (+) Chi phí không được trừ	16.925.567.884	22.590.416.307
- Trừ (-) thu nhập không chịu thuế	(4.498.200.000)	(2.249.100.000)
- Trừ (-) thu nhập chưa tính thuế	(109.174.150)	(194.134.281)
- Cộng (+) thu nhập năm trước chưa tính thuế	194.134.281	81.728.664
- Tổng thu nhập tính thuế	534.864.185.058	431.196.589.596
- Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	106.972.837.012	86.239.317.919

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản cam kết dài hạn

Công ty có thực hiện các hợp đồng thuê đất sau:

- ❖ Hợp đồng thuê đất số 04/HĐ/ĐT ngày 25/01/2000; Phụ lục Hợp đồng thuê đất số 233/PL.HĐĐT/DC1/2000 ngày 03/11/2017 với Ủy Ban Nhân dân Tỉnh Bình do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước làm đại diện để thuê đất tại:

Địa chỉ lô đất : Số 725, quốc lộ 14, phường Tân Bình, Thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

Mục đích thuê: : Làm trụ sở Công ty

Diện tích đất : 3.644 m²

Thời gian sử dụng : 50 năm từ ngày 09/4/1997

Hình thức thuê đất : Trả tiền thuê hàng năm

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)
Năm 2023

- ❖ Hợp đồng thuê đất số 108/HĐ/TĐ ngày 01/11/2010 với Ủy Ban nhân dân tỉnh Bình Phước do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước làm đại diện để thuê đất tại:

Địa chỉ lô đất : Số 685, quốc lộ 14, phường Tân Bình, Thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

Mục đích thuê: : Làm Khách sạn Bom Bo

Diện tích đất thuê : 2.094,20 m²

Thời gian sử dụng : 50 năm (đến ngày 27/10/2060)

Hình thức thuê đất : Trả tiền thuê hàng năm

Ngoài các sự kiện nêu trên, Công ty không còn có bất kỳ khoản cam kết, tài sản tiềm tàng hay nợ tiềm tàng nào có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

2. Thông tin so sánh

Công ty đã điều chỉnh hồi tố và trình bày lại số năm trước của chỉ tiêu Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, chi tiết như sau:

Mã số	Chỉ tiêu	Số liệu trước điều chỉnh	Điều chỉnh hồi tố	Số liệu sau điều chỉnh
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	86.238.217.919	1.100.000	86.239.317.919
60	Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	324.729.460.987	(1.100.000)	324.728.360.987

3. Thông tin về các bên liên quan

Tiền lương, thưởng và thu nhập khác của Người quản lý trong năm: **3.181.494.466 Đồng.**

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ban Giám đốc của Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán 2023 cho đến ngày phát hành Báo cáo tài chính này, cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

5. Thông tin tài chính có liên quan đến Báo cáo tài chính

Các văn bản luật ban hành và có hiệu lực trong năm 2023 sau đây:

- Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/04/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai, bổ sung nhiều quy định mới quan trọng liên quan đến vấn đề quản lý, sử dụng đất đai. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể **từ ngày 20 tháng 5 năm 2023**.
- Nghị định số 12/2023/NĐ-CP ngày 14/4/2023 của Chính phủ về gia hạn thời hạn nộp thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TNCN và tiền thuê đất năm 2023. Nghị định này có hiệu lực **từ ngày ký ban hành đến hết ngày 31/12/2023**.
- Nghị định số 44/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết 101/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội. Theo đó, giảm thuế giá trị gia tăng đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% xuống 8%. Nghị định có hiệu lực **từ ngày 01/07/2023 đến hết ngày 31/12/2023**.
- Thông tư số 13/2023/TT-BTC ngày 28/02/2023 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thi hành Nghị định 49/2022/NĐ-CP ngày 29/7/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định 12/2015/NĐ-CP, Nghị định 100/2016/NĐ-CP và Nghị định 146/2017/NĐ-CP và sửa đổi, bổ sung Thông tư 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực kể **từ ngày 14 tháng 4 năm 2023**.
- Thông tư số 16/2023/TT-BTC ngày 17/3/2023 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2021/TT-BTC hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể **từ ngày 08/05/2023**.
- Quyết định số 25/2023/QĐ-TTg ngày 03/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ về giảm 30% tiền thuê đất của năm 2023 cho các tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân đang được Nhà nước cho thuê đất trực tiếp. Quyết định có hiệu lực **từ ngày 20/11/2023**.

Thành phố Đồng Xoài, ngày 26 tháng 01 năm 2024

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hiền

Kế toán trưởng

Nguyễn Xuân Cử

Giám đốc



Nguyễn Đăng Khoa

BÁO CÁO MỘT SỐ CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG

(Ban hành kèm theo thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ tài chính)

Kỳ báo cáo: Năm 2023

D: Số dư của khoản mục; P: Số phát sinh trong kỳ báo cáo

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay/ số cuối kỳ	Năm trước/ số đầu kỳ
1. Nợ phải thu khó đòi		D	1.752.216.046	1.752.216.046
a) Nợ phải thu khó đòi phát sinh trong năm		P		
b) Nợ phải thu khó đòi đã xử lý trong năm		P		
2. Vay và nợ ngắn hạn trong nước		D	-	-
a) Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng		D		
b) Các khoản vay và nợ ngắn hạn còn lại		D		
3. Vay và nợ ngắn hạn nước ngoài		D		
a) Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng		D		
b) Các khoản vay ngắn hạn khác còn lại		D		
4. Vay và nợ dài hạn trong nước		D		
a) Vay dài hạn các NHTM, TCTD		D		
b) Phát hành trái phiếu (không bao gồm trái phiếu chuyển đổi)		D		
c) Thuê tài chính dài hạn trong nước		D		
d) Các khoản vay dài hạn trong nước khác		D		
5. Vay và nợ dài hạn nước ngoài		D		
a) Vay lại vốn ODA của Chính phủ		D		
b) Vay nước ngoài được Chính phủ bảo lãnh		D		
c) Vay nước ngoài theo hình thức tự vay, tự trả		D		
d) Phát hành trái phiếu (không bao gồm trái phiếu chuyển đổi)		D		
e) Các khoản vay nước ngoài còn lại		D		
6. Vốn điều lệ		D	413.400.000.000	316.000.000.000
7. Thuế và các khoản phát sinh còn phải nộp NSNN năm trước chuyển sang			311.106.089.727	159.731.106.249
8. Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN		P	1.531.829.013.346	1.217.731.488.425
a) Nộp NSNN từ hoạt động kinh doanh nội địa		P	1.219.918.819.622	1.001.509.988.315
b) Nộp NSNN từ hoạt động kinh doanh XNK		P		
c) Lợi nhuận/cổ tức phát sinh phải nộp NSNN		P	311.910.193.724	216.221.500.110
9. Thuế và các khoản phát sinh đã nộp NSNN		P	1.353.458.449.099	1.066.356.504.947
Trong đó: Lợi nhuận/cổ tức đã nộp NSNN		P	210.942.764.542	102.000.000.000
10. Thuế và các khoản còn phải nộp NSNN chuyển năm sau		D	489.476.653.974	311.106.089.727

Ghi chú: Báo cáo này được gửi cùng với BCTC quý, năm.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- UBND tỉnh BP;
- Sở Tài chính tỉnh BP;
- Cục Thống kê;
- CT, BGĐ Cty;
- Kiểm soát viên Cty;
- Lưu VT, KT.

Bình Phước, ngày 26 tháng 01 năm 2024

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đăng Khoa